TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-PT
Ngày: 09 -5-2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Trần Văn Nhum

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền* - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 31/2024/TLPT- DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2024/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Như Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

Cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1964 (vắng mặt khi tuyên án)

Cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước;

Nơi cư trú mới: Khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Nguyễn Như K, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt khi tuyên án)

Nơi cư trú cũ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú mới: Khu phố 4, phường T, thành phố Đ, Bình Phước

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, đại diện theo pháp luật ông Trần Văn H- Giám đốc Sở (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền ông Triệu Ngọc D – Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Như Đ trình bày:

Ông Nguyễn Như Đ làm việc tại xí nghiệp thương nghiệp thuộc Công ty Cao su P từ năm 1987. Năm 1991, ông được Công ty Cao su P cấp cho một phần đất tại thôn P, xã P, huyện P (cũ), phía Đông phần đất giáp đường thôn là 8,2m, phía Tây 4,2m, dài 20m. Lý do phía mặt tiền giáp đường rộng 8,2m vì có một phần đất dư của Công ty nên Công ty cho ông luôn. Sau khi nhận đất thì gia đình ông xây nhà và sinh sống đến nay. Năm 1996, gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho phần đất này thuộc thửa 37, tờ bản đồ 99. Năm 2018, gia đình ông làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Tặnglà chủ sử dụng đất liền kề không chịu ký giáp ranh nên xảy ra tranh chấp. Sự việc đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã P. Tại đây, ông Đức được xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T thì phát hiện thửa đất ông T cấp giấy chứng nhận năm 1997 cạnh mặt đường phía Đông là 4m, cạnh sau phía Tây là 4,30m nhưng khi cấp đổi lại giấy chứng nhận năm 2017 thì cạnh đường phía Đông là 4,21m, cạnh sau phía Tây là 4,10m. Qua kiểm tra lại số liệu đo đạc thì nhà ông T đã lấn sang đất nhà ông khoảng 0,15cm, dài hết đất 20m nên ông khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại đất này cho ông đồng thời ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông T.

Ngày 19/8/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc diện tích đất tranh chấp. Tại đây Tòa án và hai bên gia đình đã thống nhất chốt các ranh mốc phía cuối đất các bên thống nhất tiếp tục sử dụng như hiện trạng và không còn tranh chấp. Nay ông Đ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất lấn chiếm từ điểm cuối hai nhà kéo dài lên phía mặt tiền đường bê tông. Theo đó yêu cầu Tòa án buộc ông T phải tháo gỡ các tài sản trên đất để trả lại phần đất tranh chấp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi cho ông T vào ngày 25/9/2017.

Bị đơn ông Hoàng Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị L làm việc tại cửa hàng ăn uống thuộc xí nghiệp thương nghiệp phục vụ đời sống của Công ty Cao su P. Năm 1991, xí nghiệp giải thể nên phần đất của cửa hàng chia cho nhân viên cửa hàng gồm bà Nguyễn Thị L (vợ ông T); ông Lê Văn Â; ông Nguyễn Như Đ. Khi chia đất thì Công ty chia chiều ngang đường là 12m cho ba người tự cắm mốc chia với nhau chứ Công ty không trực tiếp cắm mốc cụ thể cho từng người. Trong đó ông Â ở ngoài cùng gần hố rác là rộng nhất, do ông Â lấn ra hố rác. Sau khi được chia đất thì cả ba gia đình tiến hành xây dựng nhà và sinh sống đến nay.

Đất của vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997, sau ngày đất của ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mấy tháng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997, đất ông được cấp phía mặt đường là 04m, phía sau là 4,30. Đến năm 2017 ông được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới thì mặt đường là 4,21m, phía sau là 4,10m. Vợ chồng ông bà đã tiến hành đo đạc lại để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chính xác nhưng ông Đ không chịu. Ông Đ cho rằng ông lấn đất của ông Đ, trong khi đất ông đã xây nhà và sử dụng hơn 30 năm nay. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông và bà L không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N xin vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước có ý kiến:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi cho vợ chồng ông T, bà L vào ngày 25/9/2017 có nguồn gốc cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 554650 số vào sổ 410 do UBND huyện P cũ cấp ngày 10/3/1997. Việc cấp đổi về trình tự thủ tục đúng theo quy định pháp luật đất đai. Lý do có sự chênh lệch về diện tích là vì năm 1997 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm này kỹ thuật đo đạc dùng máy móc thô sơ, các bên chỉ sử dụng các hàng rào cây làm ranh nên diện tích chưa chính xác. Hiện này các hộ đã xây dựng nhà kiên cố, có hàng rào và cột mốc rõ ràng không tranh chấp. Về nội dung tranh chấp Sở Tài nguyên và Môi trường không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 164, 165, 166 của Bộ luật Dân sự 2015, các điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như Đ.

Buộc bị đơn ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ phá bỏ hàng gạch 10, chiều dài từ điểm F đến vị trí điểm số 3 và tháo gỡ, di dời toàn bộ tài sản nằn trên đường ranh giới hiện trạng từ điểm F đến vị trí điểm số 3, để trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 0,1m^2 (F, 3, 4) nằm trong tổng diện tích 92,1m^2 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 64, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số CS 04705/CDOI ngày 25/9/2017 đứng tên ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L *(Có sơ đồ đo đạc được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P ký phê duyệt ngày 07/9/2023 kèm theo)* cho ông Đức, bà Ngân.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04705/CDOI ngày 25/9/2017 đứng tên ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04705/CDOI do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp đổi cho ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L vào ngày 25/9/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngày 12/12/2023, bị đơn ông Hoàng Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L kháng cáo Bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 01/12/2023, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện sửa án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước, án phí phúc thẩm bà L, ông T phải chịu mỗi người 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận ông Nguyễn Như Đ và bà Nguyễn Thị L trước đây cùng làm việc tại xí nghiệp thương nghiệp phục vụ đời sống của Công ty Cao su P. Năm 1991, xí nghiệp giải thể nên phần đất của cửa hàng ăn uống của xí nghiệp chia cho nhân viên cửa hàng gồm bà Nguyễn Thị L (vợ ông T); ông Lê Văn Â và ông Nguyễn Như Đ. Khi chia đất thì Công ty chia chung chiều ngang là 12m đường thôn cho ba người tự cắm mốc chia với nhau chứ Công ty không trực tiếp cắm mốc cụ thể cho từng người. Sau khi được chia đất, trong năm 1991 ông Đ, bà L, ông Â cùng tiến hành xây dựng nhà và sinh sống đến ngày nay.

Ngày 05/12/1996, hộ ông Nguyễn Như Đ được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích lần đầu cho phần đất trên có diện tích 94m^2, thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37; ngày 10/3/1997, hộ ông Hoàng Xuân T được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích lần đầu cho phần đất trên có diện tích 90m^2, thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 37, cùng địa chỉ thôn P, xã P, huyện PL (nay là thôn P, xã P, huyện P)

[2] Xét thấy, vào năm 1991, sau khi được cấp đất thì ông Đức tiến hành đào móng xây nhà hết phần đất ông được cấp. Sau đó, ông T cũng đào móng xây nhà sau ông Đ một thời gian. Hai căn nhà của các ông còn nguyên hiện trạng từ khi xây dựng cho đến nay. Việc ông Đ cho rằng ông T xây nhà lấn sang nhà ông Đ là không có căn cứ vì ông T là người xây dựng nhà sau ông Đ và kể từ khi xây dựng nhà, sử dụng đến nay, hai bên không có bất cứ tranh chấp, khiếu nại gì. Vì vậy, có căn cứ xác định ông Đ với vợ chồng ông T bà L đã thống nhất ranh giới đất như hiện trạng hai bên đang sử dụng hiện nay là đường thẳng giữa hai bờ tường liền kề nhau của hai căn nhà nên ông Đ cho rằng ông T xây nhà lấn sang đất của ông là không có căn cứ.

[3] Theo ông Đ thì ranh giới hai thửa đất phải là vị trí số 2, còn theo ông T thì ranh giới hai thửa đất là vị trí số 4 tại Sơ đồ vị trí tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai ý kiến của nguyên đơn, bị đơn là không phù hợp vì khi các ông được cấp đất năm 1991, cả hai đã tiến hành xây nhà luôn và khi đó cả hai thửa đất đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực trạng căn nhà của gia đình ông Đ và căn nhà của gia đình ông T được xây kiểu nhà ống, xây sát nhau nên như phân tích ở trên có căn cứ xác định gia đình ông Đ và gia đình ông T đã thừa nhận ranh giới hai thửa đất là đường thẳng giữa hai bờ tường sát nhau của hai căn nhà từ khi hai bên xây nhà vào năm 1991 sự thừa nhận này của ông Đ và gia đình ông T phù hợp với quy định tại Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 265 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 270 Bộ luật Dân sự năm 1995. Việc sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không khớp với thực trạng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời tại Công văn số 906/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 20/4/2023 là do đo đạc không chính xác. Vì vậy, việc ông T xây bờ gạch nhỏ phạm vào đường ranh hai thửa đất từ điểm F đến điểm vị trí số 3 là lấn sang đất của ông Đ. Cụ thể, phần đất ông T lấn của ông Đ có vị trí từ F,3,4 trong sơ đồ vị trí đất tranh chấp, cần buộc vợ chồng ông T trả lại cho vợ chồng ông Đ.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 270281 ngày 25 tháng 9 năm 2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Hoàng Xuân T và bà Nguyễn Thị L thể hiện diện tích, vị trí, hình dạng không đúng với thực tế sử dụng đất của vợ chồng ông T nên cần kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để điều chỉnh và cấp lại giấy chứng nhận theo đúng hiện trạng các bên đã sử dụng.

[5] Từ các phân tích trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà L phải trả lại cho ông Đ bà Ngân 0,1m^2 đất đã lấn của ông Đ, bà N là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Đây là yêu cầu hủy quyết định hành chính là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện cấp cho hộ gia đình nên việc thụ lý, giải quyết yêu cầu này là thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Vì vậy, khi Tòa án cấp huyện giải quyết tranh chấp đất thì không thụ lý, giải quyết yêu cầu hủy quyết định hành chính không thuộc thẩm quyền của mình. Sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực thì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào nội dung bản án quyết định để thu hồi điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục hành chính. Việc Tòa án cấp sơ thẩm (cấp huyện) thụ lý và ban hành bản án, quyết định giải quyết yêu cầu này của đương sự là vượt quá thẩm quyền, cần rút kinh nghiệm.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà L, ông T phải chịu mỗi người 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Xuân T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 01/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước;

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 164, 165, 166, 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 265 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 270 Bộ luật Dân sự năm 1995, các điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013, Điều 107 Luật Đất đai năm 2003, Điều 79 Luật Đất đai năm 1993, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như Đ.

Buộc bị đơn ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L phải phá bỏ hàng gạch chiều ngang 10 cm, chiều dài từ điểm F đến vị trí điểm số 3 và tháo gỡ, di dời toàn bộ tài sản nằm trên đường ranh giới hiện trạng từ điểm F đến vị trí điểm số 3, để trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 0,1m^2 (F, 3, 4) nằm trong tổng diện tích 92,1m^2 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 64, địa chỉ thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04705/CDOI ngày 25/9/2017 đứng tên ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L *(theo sơ đồ đo đạc được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thực hiện ngày 07/9/2023 kèm theo)* cho ông Nguyễn Như Đ, bà Phạm Thị N.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 04705/CDOI ngày 25/9/2017 đứng tên ông Hoàng Xuân T, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 64 để cấp lại theo quyết định tại Bản án này và thực trạng sử dụng đất của các chủ sử dụng đất *(theo sơ đồ đo đạc được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Riềng thực hiện ngày 07/9/2023 kèm theo)*.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông T, bà L phải trả lại cho ông Đ số tiền 7.129.000 (bảy triệu, một trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà L phải chịu 300.000đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L, ông T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông, bà đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016524 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, số tiền còn lại ông T, bà L phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tiến Hiệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Nhum **Nguyễn Văn Thư** **Phạm Tiến Hiệp**